

Bản án số: 40/2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 29 – 9 – 2021.

V/v Xin ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Thanh Tâm.

Ông Nguyễn Thanh Rục.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 285/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bình Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 21/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Nguyên vào năm 2018, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Bình Đ tự nguyện chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Ông, bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc do ông Đ thường xuyên có hành vi bạo hành với bà. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông, bà sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Trong thời gian chung sống ông, bà không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, ngày 20 tháng 9 năm 2021 bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Bình Đ; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Bình Đ:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Đ, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đ 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết:

+ Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Bình Đ.

+ Về con chung: Bà Nguyễn Thị N xác định bà và ông Nguyễn Bình Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N xác định bà và ông Nguyễn Bình Đ không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định bà và ông Nguyễn Bình Đ không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Bình Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Bình Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm 2018, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Bình Đ chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ chung sống giữa bà N và ông Đ do không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ chung sống giữa bà N và ông Đ không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị N xác định trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Bình Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N xác định trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Bình Đ không tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Bình Đ không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Nguyễn Bình Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Bình Đ.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị N xác định bà và ông Nguyễn Bình Đ không có con chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N xác định bà và ông Nguyễn Bình Đ không có tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định bà và ông Nguyễn Bình Đ không có nợ chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007254 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Nguyễn Thị N đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Bình Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyện L;
- Lưu (HS, VP).

Lê Hoàng Bảo